



**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 11166.2604/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.03400 2603  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.09266 2603  
Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2026 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 24-28/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 02/04/2026  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 2 L + 0,5 L  
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước Bể chứa Nhà máy nước Đồng Xuân**  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa và chai thủy tinh

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Clo dư tự do <sup>(*)</sup>	TCVN 6225-2:2021	0,84	mg/L
2.	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011	7,10	-
3.	Màu sắc <sup>(*)</sup>	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU
4.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-
5.	Độ đục <sup>(*)</sup>	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU
6.	Arsen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L
7.	Coliforms <sup>(*)</sup>	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL
8.	<i>Escherichia coli</i> <sup>(*)</sup>	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.  
LOQ: Giới hạn định lượng/ LOQ: Limit of Quantification. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies  
(\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trương

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture and Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 11  
Date of issue: 15/07/2025

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 11167.2604/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.03400 2603  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.09267 2603  
Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2026 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 24-28/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 02/04/2026  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 2 L + 0,5 L  
Tên mẫu/ Name of sample : Nước trên mạng Nhà máy nước Đồng Xuân  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa và chai thủy tinh

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2:2021	0,82	mg/L
2.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,15	-
3.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU
4.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU
6.	Arsen (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L
7.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL
8.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.  
LOQ: Giới hạn định lượng/ LOQ: Limit of Quantification. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies  
(\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trương

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture and Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 11  
Date of issue: 15/07/2025

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 11168.2604/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.03400 2603  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.09268 2603  
Trang/ Page: 1/1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2026 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 24-28/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 02/04/2026  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 2 L + 0,5 L  
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước cuối mạng Nhà máy nước Đồng Xuân**  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa và chai thủy tinh

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Clo dư tự do <sup>(*)</sup>	TCVN 6225-2:2021	0,67	mg/L
2.	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011	7,18	-
3.	Màu sắc <sup>(*)</sup>	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU
4.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-
5.	Độ đục <sup>(*)</sup>	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU
6.	Arsen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L
7.	Coliforms <sup>(*)</sup>	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL
8.	<i>Escherichia coli</i> <sup>(*)</sup>	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL

**Ghi chú/ Notes:**

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.  
LOQ: Giới hạn định lượng/ LOQ: Limit of Quantification. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies  
(\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trương



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 11  
Date of issue: 15/07/2025

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**